

Số: **548** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **19** tháng **3** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030 của Bộ Công Thương

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Quy chế quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030 của Bộ Công Thương” kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định số 1356/QĐ-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành quy chế làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hàng năm thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 của Bộ Công Thương sẽ hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030 của Bộ Công Thương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, TKNL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Sinh Nhật Tân



BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 của Bộ Công Thương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 548/QĐ-BCT ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình) của Bộ Công Thương theo Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Quy chế này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân quản lý và tham gia thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

Điều 2. Điều kiện tham gia chủ trì nhiệm vụ

1. Các tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực đã được quy định trong nội dung Chương trình.

2. Cá nhân thuộc các tổ chức đăng ký tham gia chủ trì các nhiệm vụ phải có đủ năng lực hành vi dân sự và chuyên môn phù hợp với lĩnh vực và tiêu chí đã được quy định trong nội dung Chương trình.

3. Các tổ chức không được đăng ký chủ trì thực hiện các nhiệm vụ mới nếu chưa hoàn thành đúng hạn thanh, quyết toán các nhiệm vụ đã được giao.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý hoạt động và quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình

1. Bảo đảm các nhiệm vụ thuộc Chương trình được triển khai đúng mục tiêu, nội dung, thời hạn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, tránh lãng phí và tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính hiện hành.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý và thực hiện

1. Bộ Công Thương là cơ quan tổ chức thực hiện các nội dung thuộc Chương trình do Bộ Công Thương chủ trì, quản lý.

2. Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững được giao là đơn vị đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương trong việc tổ chức quản lý và triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình của Bộ Công Thương.

3. Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính phối hợp với Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững trong việc quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Công Thương chủ trì, quản lý.

4. Tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình là đối tượng được giao thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Điều 5. Quyền hạn, trách nhiệm của Bộ Công Thương

1. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ và kinh phí, dự toán thực hiện hàng năm bao gồm: tên nhiệm vụ, mục tiêu, nội dung, kết quả dự kiến, kinh phí và thời gian thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình;

2. Thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Tổ thẩm định kinh phí và Hội đồng nghiệm thu các nhiệm vụ thuộc Chương trình;

3. Kiểm tra, giám sát và báo cáo Ban Chỉ đạo Nhà nước các chương trình, công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành năng lượng về kết quả thực hiện Chương trình.

Điều 6. Quyền hạn, trách nhiệm các đơn vị tham gia quản lý, tổ chức thực hiện

1. Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững

a) Tổng hợp danh mục, đề xuất nội dung và kinh phí các nhiệm vụ, lập dự toán, kế hoạch hàng năm triển khai Chương trình của Bộ Công Thương trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ hướng dẫn các đơn vị thực hiện xây dựng thuyết minh đề cương, nội dung và kinh phí các nhiệm vụ thuộc Chương trình; báo cáo, trình Lãnh đạo Bộ ban hành quyết định giao nhiệm vụ; đặt hàng;

c) Thừa lệnh Lãnh đạo Bộ phê duyệt thuyết minh đề cương, ký hợp đồng với các đơn vị được giao nhiệm vụ, đặt hàng thuộc Chương trình, đồng thời quản lý việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao, đặt hàng theo quyết định của Bộ Công Thương và các nội dung đã ký kết trong hợp đồng;

d) Tổ chức lập Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc Chương trình và phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Tổ chức lựa chọn nhà thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết, quản lý hợp đồng các gói thầu đã được Bộ Công Thương phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

đ) Kiểm tra, giám sát, đôn đốc tình hình triển khai các nhiệm vụ, tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình;

e) Tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ và thực hiện thủ tục thanh lý đối với các nhiệm vụ đã hoàn thành;

f) Trình Lãnh đạo Bộ điều chỉnh mục tiêu, nội dung, hạng mục kinh phí, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ hoặc hủy hợp đồng thực hiện nhiệm vụ đối với các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện trong trường hợp cần thiết;

g) Quản lý kinh phí sự nghiệp cấp, chi thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình thông qua tài khoản của Văn phòng Bộ Công Thương và các nguồn kinh phí khác thực hiện Chương trình (nếu có);

h) Trình Lãnh đạo Bộ ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Tổ thẩm định kinh phí và Hội đồng nghiệm thu.

2. Văn phòng Bộ

Với nguồn kinh phí của Chương trình được giao qua Văn phòng Bộ:

a) Căn cứ Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Văn phòng Bộ thực hiện nhiệm vụ Chủ tài khoản cùng với Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững ký hợp đồng với các đơn vị thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình theo hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng;

b) Căn cứ trên đề nghị của Vụ Tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững, Văn phòng Bộ hướng dẫn các đơn vị chủ trì thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình về thủ tục tạm ứng, thanh quyết toán theo đúng các quy định về tài chính hiện hành.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính

a) Phối hợp với Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, Văn phòng Bộ trong việc tổng hợp và giao dự toán kinh phí thuộc Chương trình hàng năm;

b) Thẩm tra, xét duyệt quyết toán kinh phí thuộc Chương trình của các đơn vị dự toán được giao quản lý kinh phí theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 7: Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình

Tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Tổ chức thực hiện hoạt động theo nội dung thuyết minh đề cương, tiến độ đã được phê duyệt, hợp đồng ký kết.
2. Chịu trách nhiệm trước Bộ Công Thương về việc sử dụng kinh phí, đảm bảo hiệu quả và đúng với các quy định hiện hành về sử dụng ngân sách nhà nước.
3. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ và kết quả triển khai các nhiệm vụ của Chương trình theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

Điều 8. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ

1. Mục tiêu và nội dung được phê duyệt tại Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030.
2. Tình hình triển khai và kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình của năm trước năm kế hoạch.
3. Phù hợp với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, người dân, xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
4. Đảm bảo tính khả thi về: phương thức triển khai; thời gian, tiến độ; nguồn nhân lực, tài chính v.v.

Điều 9. Xây dựng Danh mục các nhiệm vụ thuộc Chương trình

1. Trước ngày 01 tháng 4 hàng năm, Bộ Công Thương ban hành Công văn gửi các đơn vị, tổ chức về việc gửi đề xuất, kế hoạch thực hiện Chương trình đối với năm tiếp theo. Mẫu đề xuất nhiệm vụ thực hiện và dự toán kinh phí dự kiến thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo Mẫu 01-TKNN tại Phụ lục 1, Mẫu 02-TKNN tại Phụ lục 2 và Mẫu 08-TKNN tại Phụ lục 8.
2. Trên cơ sở đăng ký kế hoạch của các đơn vị, tổ chức và nhu cầu đặt hàng các nhiệm vụ của Bộ Công Thương nhằm đảm bảo triển khai đạt được các mục

tiêu đã đề ra, Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững tổng hợp và trình Lãnh đạo Bộ thành lập Hội đồng Tư vấn xác định nhiệm vụ, Tổ thẩm định kinh phí thuộc Chương trình thực hiện trong năm tiếp theo.

3. Danh mục các nhiệm vụ phải đảm bảo đầy đủ thông tin, bao gồm: tên nhiệm vụ, mục tiêu, nội dung thực hiện, dự kiến kết quả đạt được, dự kiến kinh phí thực hiện và thời gian thực hiện.

4. Hội đồng Tư vấn xác định nhiệm vụ (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn) được quy định tại Điều 10 Quy chế này.

5. Trên cơ sở kết quả xây dựng danh mục của Hội đồng Tư vấn xác định nhiệm vụ và Tổ thẩm định kinh phí, Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững trình Lãnh đạo Bộ ban hành danh mục các nhiệm vụ thực hiện Chương trình trong năm tiếp theo.

Điều 10. Thành lập Hội đồng tư vấn

Hội đồng tư vấn do Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững đề xuất trình Bộ Công Thương quyết định thành lập để tư vấn, xem xét, đánh giá danh mục các nhiệm vụ đăng ký hàng năm thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Hội đồng tư vấn bao gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch, 01 Thư ký Hội đồng và các Thành viên Hội đồng. Thành viên hội đồng là đại diện các cơ quan, đơn vị quản lý có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn và tài chính, các chuyên gia uy tín, trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, năng lượng, khoa học công nghệ và các lĩnh vực có liên quan, trong đó có đại diện của Văn phòng Bộ và Vụ Kế hoạch-Tài chính.

Kinh phí cho các thành viên Hội đồng tư vấn được lấy từ nguồn kinh phí triển khai Chương trình hàng năm và được chi trả theo quy định hiện hành.

Điều 11. Trách nhiệm và Nguyên tắc làm việc của Hội đồng tư vấn

1. Trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng tư vấn

a) Đánh giá, phân tích, cho ý kiến về mục tiêu, nội dung, thông tin của các nhiệm vụ đề xuất theo các yêu cầu quy định;

b) Đánh giá sự phù hợp các nội dung về chuyên môn và tài chính để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ của Chương trình;

2. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng tư vấn

a) Tham gia các hoạt động trước và sau phiên họp chính thức của Hội đồng tư vấn khi có yêu cầu và theo sự bố trí của Chủ tịch Hội đồng tư vấn;

b) Nghiên cứu các hồ sơ, tài liệu liên quan đến Chương trình;

c) Đưa ra ý kiến nhận xét để trình bày tại phiên họp chính thức của Hội đồng tư vấn;

d) Thực hiện nhiệm vụ tại phiên họp Hội đồng tư vấn một cách có trách nhiệm, khoa học, trung thực, khách quan;

đ) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng về những ý kiến, nhận xét của mình đối với các nhiệm vụ đề xuất thuộc Chương trình.

3. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng tư vấn

a) Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan; chịu trách nhiệm cá nhân về tính chính xác đối với những ý kiến tư vấn độc lập theo chuyên môn và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng tư vấn;

b) Phiên họp của Hội đồng tư vấn phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và Thư ký Hội đồng;

c) Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng (khi được ủy quyền) chủ trì các phiên họp;

d) Các thành viên Hội đồng, chuyên gia (nếu có) và thư ký Hội đồng có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá các nhiệm vụ đề xuất lựa chọn.

Điều 12. Yêu cầu về việc tư vấn, xem xét, đánh giá nhiệm vụ đề xuất cho Chương trình

Các nhiệm vụ đề xuất cho Chương trình cần đảm bảo mục đích: Ưu tiên xây dựng căn cứ khoa học để dự thảo và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Thay đổi nhận thức, hành vi của tổ chức, cá nhân, sử dụng năng lượng theo hướng tiết kiệm và hiệu quả, tiến tới hình thành thói quen văn minh, tiết kiệm năng lượng trong sử dụng năng lượng của tổ chức, cá nhân.

Các yêu cầu cụ thể:

- Các nhiệm vụ đề xuất đưa vào triển khai hàng năm thuộc Chương trình phải đảm bảo phù hợp, đáp ứng 09 nhóm nội dung của Chương trình tại Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ hoặc các nội dung đối với việc triển khai thực hiện Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Danh mục nhiệm vụ đề xuất phải đảm bảo tính lan tỏa, tính phổ biến và khả năng nhân rộng cao, thúc đẩy các hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của các tổ chức, cá nhân trên phạm vi toàn quốc hướng tới các

mục tiêu cụ thể trong Chương trình và đảm bảo các quy định hiện hành về dự toán kinh phí.

- Các nhiệm vụ được đề xuất cần đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, phù hợp với thực tiễn yêu cầu quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, đảm bảo tính khả thi về tiến độ, thời gian, nguồn nhân lực, tài chính.

Điều 13. Trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn

1. Thư ký Hội đồng tư vấn công bố quyết định thành lập Hội đồng tư vấn, giới thiệu thành phần hội đồng và các đại biểu tham dự.

2. Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tóm tắt các yêu cầu đối với Hội đồng tư vấn.

3. Hội đồng tư vấn trao đổi, thảo luận thống nhất về phương thức làm việc.

4. Hội đồng tư vấn tiến hành đánh giá các nhiệm vụ đăng ký thực hiện Chương trình. Các thành viên trình bày ý kiến nhận xét đánh giá các nhiệm vụ đăng ký tuyển chọn;

5. Thư ký Hội đồng tư vấn công bố ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để hội đồng xem xét, tham khảo;

6. Hội đồng tư vấn tiến hành thảo luận, phân tích các nhiệm vụ đăng ký và kinh phí theo các yêu cầu quy định. Sau khi trao đổi, các thành viên Hội đồng tư vấn nhận xét, đánh giá và tham gia ý kiến từng nhiệm vụ đăng ký theo Mẫu 03-TKNL tại Phụ lục 3.

7. Các nhiệm vụ đề xuất thực hiện sẽ được lựa chọn khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tư vấn có phiếu đánh giá đạt (thông qua).

8. Tổng hợp kết quả đánh giá lựa chọn của Hội đồng tư vấn

a) Thư ký Hội đồng tư vấn tổng hợp và báo cáo hội đồng kết quả các nhiệm vụ được Hội đồng tư vấn thống nhất lựa chọn đưa vào danh mục nhiệm vụ đề xuất thực hiện hàng năm thuộc Chương trình;

b) Hội đồng tư vấn thông qua biên bản về kết quả làm việc của Hội đồng

- Hội đồng thảo luận để thống nhất kiến nghị những điểm cần chỉnh sửa, bổ sung đối với các nhiệm vụ đề xuất và kinh phí của nhiệm vụ .

- Thư ký Hội đồng lập biên bản làm việc theo Mẫu 04-TKNL tại Phụ lục 4.

Điều 14. Thành lập Tổ thẩm định kinh phí

1. Tổ thẩm định kinh phí (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định) các nhiệm vụ thuộc Chương trình do Bộ Công Thương quyết định thành lập cùng với Quyết

định thành lập Hội đồng tư vấn. Các thành viên của Tổ thẩm định là thành viên trong Hội đồng tư vấn.

2. Tổ thẩm định bao gồm 04 thành viên, bao gồm Tổ trưởng là Lãnh đạo Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, 01 Tổ viên đại diện Vụ Kế hoạch - Tài chính, 01 Tổ viên là đại diện Văn phòng Bộ và 01 Thư ký là thành viên của Hội đồng tư vấn.

3. Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định có trách nhiệm thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ phù hợp với nội dung chuyên môn của nhiệm vụ.

4. Kết quả thẩm định kinh phí được Thư ký tổng hợp và lập Biên bản thẩm định theo Mẫu 05-TKNL tại Phụ lục 5.

Điều 15. Phê duyệt nội dung và dự toán kinh phí các nhiệm vụ thuộc Chương trình

1. Căn cứ kết quả làm việc của các Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định kinh phí, Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững hoàn thiện danh mục và dự toán kinh phí các nhiệm vụ đề xuất thực hiện hàng năm thuộc Chương trình, trình lãnh đạo Bộ Công Thương ban hành Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ đề xuất thực hiện hàng năm thuộc Chương trình.

2. Trong trường hợp có thay đổi đối với các danh mục và dự toán kinh phí các nhiệm vụ đề xuất thực hiện, Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững tổ chức họp Hội đồng tư vấn hoặc gửi các thành viên Hội đồng tư vấn lấy ý kiến nội dung thay đổi bằng văn bản hoặc thư điện tử để các thành viên đánh giá theo Mẫu 03-TKNL. Nội dung thay đổi sẽ được thông qua nếu nhận được phiếu đánh giá đạt từ ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tư vấn. Dựa trên kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định kinh phí có trách nhiệm thẩm định dự toán kinh phí của các nhiệm vụ.

3. Căn cứ việc rà soát kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định kinh phí, Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững trình lãnh đạo Bộ Công Thương ban hành Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện hàng năm thuộc Chương trình.

Điều 16. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ

Căn cứ các quy định hiện hành, việc lựa chọn tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc danh mục được Bộ Công Thương phê duyệt thông qua phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu. Tùy theo phương thức lựa chọn tổ chức thực hiện nhiệm vụ, hồ sơ các nhiệm vụ được lập theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 17. Triển khai các nhiệm vụ

1. Căn cứ hợp đồng đã được ký kết, các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, kinh phí tại hợp đồng và yêu cầu của Quy chế này, các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững phối hợp với Văn phòng Bộ hướng dẫn, giải quyết các thủ tục tạm ứng, thanh toán, quyết toán kinh phí nhiệm vụ theo các quy định hiện hành để các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ, các biểu mẫu tại Phụ lục 8.

3. Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững chịu trách nhiệm đôn đốc các tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch và hợp đồng đã ký kết.

4. Tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện có trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Bộ Công Thương thông qua Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững về tình hình triển khai các nhiệm vụ.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, các tổ chức, cá nhân cần kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc về Bộ Công Thương thông qua Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững để có giải pháp giải quyết kịp thời, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ được giao đúng nội dung, tiến độ và hiệu quả.

Điều 18. Đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ thuộc Chương trình

1. Việc đánh giá, nghiệm thu kết quả được thực hiện sau khi Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị nghiệm thu nhiệm vụ của tổ chức thực hiện nhiệm vụ gồm:

- a) 01 văn bản đề nghị nghiệm thu nhiệm vụ của tổ chức chủ trì thực hiện;
- b) 01 báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ;
- c) Các sản phẩm khác theo yêu cầu của Hợp đồng.

2. Hoạt động của Hội đồng nghiệm thu

a) Hội đồng nghiệm thu do Bộ Công Thương quyết định thành lập gồm đại diện các cơ quan có liên quan và các chuyên gia có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung, tính chất của nhiệm vụ.

b) Số lượng thành viên Hội đồng nghiệm thu có tối thiểu 07 thành viên, gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch, 01 Ủy viên Thư ký và các Ủy viên là đại diện đơn vị trực thuộc Bộ, các chuyên gia có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung, tính chất của nhiệm vụ.

c) Phiên họp của Hội đồng nghiệm thu phải có tối thiểu 2/3 số thành viên tham gia, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch, Ủy viên thư ký. Chủ tịch

Hội đồng điều khiển phiên họp; Trưởng họp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt thì Phó chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp. Các thành viên Hội đồng tham gia phiên họp có trách nhiệm viết phiếu đánh giá theo Mẫu 06-TKNL tại Phụ lục 6.

d) Hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ bằng hình thức bỏ phiếu theo một trong ba mức: “Đạt”, “Đạt có sửa đổi” hoặc “Không đạt”. Nhiệm vụ được đánh giá kết quả thực hiện ở mức “Không đạt” trong trường hợp có ít hơn 2/3 số thành viên Hội đồng tham gia phiên họp bỏ phiếu đánh giá “Đạt” hoặc “Đạt có sửa đổi”.

e) Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu được lập theo Mẫu 07-TKNL tại Phụ lục 7 làm căn cứ nghiệm thu, thanh lý nhiệm vụ của tổ chức chủ trì thực hiện.

Điều 19. Giao nộp sản phẩm của các nhiệm vụ và thanh lý, quyết toán kinh phí

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày họp Hội đồng nghiệm thu, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, sản phẩm của nhiệm vụ gửi về Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững gồm:

a) Văn bản đề nghị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ kèm theo Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu hoàn thiện các sản phẩm của nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng nghiệm thu.

b) 01 bản in các sản phẩm chính của nhiệm vụ được cơ quan chủ trì thực hiện ký, đóng dấu gồm: Báo cáo tổng kết và các sản phẩm theo hợp đồng.

c) Bản file điện tử dạng Microsoft Word hoặc PDF của báo cáo tổng kết, các sản phẩm theo hợp đồng.

2. Kết quả và sản phẩm của nhiệm vụ sau khi được giao nộp sẽ được tổ chức phổ biến, áp dụng tới các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ Công Thương theo quy định.

3. Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững phối hợp với Văn phòng Bộ hướng dẫn, giải quyết thủ tục thanh lý hợp đồng, quyết toán kinh phí nhiệm vụ theo các quy định hiện hành để các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ.

Điều 20. Theo dõi, kiểm tra hoạt động triển khai Chương trình

Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững có trách nhiệm thực hiện theo dõi, kiểm tra việc triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình, gồm:

1. Xây dựng kế hoạch tổng thể và tổ chức các tổ công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các nhiệm vụ;

2. Dự trù kinh phí thực hiện việc kiểm tra, giám sát tình hình triển khai các nhiệm vụ;

3. Kịp thời giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong quá trình kiểm tra, giám sát các nhiệm vụ thuộc Chương trình;

Chương IV


ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình áp dụng Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, tổ chức, cá nhân đề xuất, kiến nghị với Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững để kiến nghị với Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế./.



Phụ lục 1: Mẫu 01-TKNL**Đề xuất nhiệm vụ thực hiện Chương trình***Đơn vị: triệu đồng*

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện¹	Kinh phí dự kiến²	Đơn vị chủ trì/phối hợp	Ghi chú
1.								
2.								
3.								
4.								
5.								

¹ Số tháng thực hiện, từ tháng/năm đến tháng/năm.

² Gồm kinh phí tài trợ từ Chương trình và kinh phí tự có của đơn vị hoặc tài trợ hợp pháp từ tổ chức, các nhân khác.

Phụ lục 2: Mẫu 02-TKNL**Đề xuất kinh phí dự kiến thực hiện các nhiệm vụ***Đơn vị: đồng*

STT	Tên nhiệm vụ	Nội dung/Công việc	Thành tiền	Căn cứ áp dụng³
1.	Nhiệm vụ 1:	Công việc 1		
		Công việc 2		
		Công việc 3		
2.	Nhiệm vụ 2:	Công việc 1		
		Công việc 2		
		Công việc 3		
Tổng cộng				

³ Cơ sở pháp lý dùng để xây dựng dự toán công việc của nhiệm vụ. Trong trường hợp chưa có căn cứ để xây dựng, kinh phí đề xuất dựa trên lập dự toán chi tiết.

Phụ lục 3: Mẫu 03-TKNL

**BỘ CÔNG THƯƠNG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC
ĐỊNH NHIỆM VỤ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ
**Các nhiệm vụ năm thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng
tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 của Bộ Công Thương**

1. Thông tin chung:

- Họ và tên Thành viên HĐTV:
- Chức vụ/Học vị/Học hàm:
- Cơ quan/Đơn vị:
- Chức danh trong HĐTV:

Quyết định số/QĐ-BCT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ năm ... thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030.

2. Kết quả đánh giá: (đánh dấu X vào ô thích hợp)

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung	Kết quả dự kiến	Kinh phí (triệu đồng)	Đạt	Không đạt
1							
2							
3							
4							
...							

3. Ý kiến đánh giá khác:

.....
.....
.....

Người nhận xét, đánh giá

(ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 4: Mẫu 04-TKNL

**BỘ CÔNG THƯƠNG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC
ĐỊNH NHIỆM VỤ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ HÀNG
NĂM THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA VỀ SỬ DỤNG NĂNG
LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ GIAI ĐOẠN 2019-2030**

A. Thông tin chung

1. Danh mục các nhiệm vụ đề xuất trong phiên họp:

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung	Kết quả dự kiến	Kinh phí (triệu đồng)	Số thành viên biểu quyết thông qua
1						
2						
3						
...						
...						

2. Quyết định thành lập Hội đồng

Quyết định số/QĐ-BCT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Công Thương

3. Địa điểm và thời gian

....., ngày/...../20...

4. Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên/.....người. Vắng mặtngười, gồm các thành viên:

.....

.....

5. Khách mời tham dự họp hội đồng:

TT

Họ và tên

Đơn vị công tác

B. Nội dung làm việc của hội đồng (ghi chép của thư ký):**1. Hội đồng đã nghe:**

1.1. Ông/Bà, Thư ký của Hội đồng đọc Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ năm thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 của Bộ Công Thương.

1.2. Ông/Bà, Chủ tịch/Phó Chủ tịch Hội đồng điều khiển buổi làm việc.

2. Ý kiến của các thành viên hội đồng

2.1 Các thành viên Hội đồng nêu câu hỏi, trao đổi, thảo luận, đánh giá về các nội dung liên quan đến từng nhiệm vụ cụ thể.

2.2 Căn cứ kết quả biểu quyết đối với từng nhiệm vụ, các nhiệm vụ đề xuất sẽ được lựa chọn đưa vào danh mục nhiệm vụ năm thuộc Chương trình.

Hội đồng tư vấn đề nghị Bộ Công Thương (Vụ TKNL) xem xét và quyết định.

Thư ký
(Họ, tên và chữ ký)

Chủ tịch Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 5: Mẫu 05-TKNL

BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ
NHIỆM VỤ NĂM THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA VỀ SỬ DỤNG NĂNG
LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ GIAI ĐOẠN 2019-2030

A. Thông tin chung**1. Tên nhiệm vụ:**

.....

2. Cơ quan chủ trì:

.....

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

.....

4. Địa điểm và thời gian họp Tổ thẩm định:

- Địa điểm:.....

- Thời gian:.....giờ, ngày.....tháng.....năm.....

5. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên:/.....

Vắng mặt: người; Họ và tên:

6. Đại biểu tham dự:

B. Các ý kiến của thành viên tổ thẩm định: *(thư ký hành chính ghi đầy đủ ý kiến nhận xét của từng thành viên tổ thẩm định)*

.....

.....

.....

C. Kết luận của Tổ thẩm định**1. Nội dung chuyên môn:****2. Về kinh phí thực hiện:**

2.1. Tổng kinh phí cần thiết: triệu đồng

Trong đó:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước: triệu đồng

(Bằng chữ: đồng)

+ Kinh phí từ các nguồn khác: triệu đồng

2.2. Dự kiến nội dung chi từ ngân sách nhà nước:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung Các khoản chi	Kinh phí NSNN		Ghi chú
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	
1	Chi phí lao động			
2	Nguyên vật liệu, năng lượng			
3	Thiết bị, máy móc			
4	Kinh phí hỗ trợ công nghệ			
5	Chi khác:			
	Tổng cộng			

C. Kiến nghị:

Biên bản được lập xong lúc.....giờ, ngàytháng.....năm..... và đã được Tổ thẩm định nhất trí thông qua.

Tổ trưởng
(Họ, tên và chữ ký)

Thư ký
(Họ, tên và chữ ký)

Thành viên Tổ thẩm định
Đại diện Văn phòng Bộ
(Họ, tên và chữ ký)

Thành viên Tổ thẩm định
Đại diện Vụ Kế hoạch-Tài chính
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 6: Mẫu 06-TKNL

BỘ CÔNG THƯƠNG
HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
 Chương trình Quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn
 2019-2030 của Bộ Công Thương.

1. Tên nhiệm vụ:

Đơn vị chủ trì:

Chủ trì nhiệm vụ:

Thời gian:

Địa điểm:

Họ tên người nhận xét:

Chức vụ/học hàm/học vị:Cơ quan:

2. Kết quả đánh giá: (đánh dấu “X” vào ô thích hợp)

<i>Đạt</i>	<i>Đạt có sửa đổi</i>	<i>Không đạt</i>

3. Ý kiến đánh giá khác:

.....

Người nhận xét, đánh giá

(ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 7: Mẫu 07-TKNL

**BỘ CÔNG THƯƠNG
HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
NGHIỆM THU CÁC NHIỆM VỤ NĂM THUỘC CHƯƠNG TRÌNH
QUỐC GIA VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ
GIAI ĐOẠN 2019-2030 CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG**

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhiệm vụ:

Đơn vị thực hiện:

2. Quyết định thành lập Hội đồng: số ngày tháng ... năm về việc thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ năm thuộc Chương trình Quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 của Bộ Công Thương.

3. Địa điểm và thời gian:

Thời gian:

Địa điểm:

4. Số thành viên hội đồng:

Thành viên có mặt: *(Danh sách cụ thể)*

Vắng mặt: ...

Khách mời: ... người.

B. Nội dung làm việc của hội đồng *(ghi chép của thư ký)*:

1. Mở đầu cuộc họp

1.1. Ông/Bà, thư ký của Hội đồng đọc Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ năm thuộc Chương trình Quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 của Bộ Công Thương;

1.2. Ông/Bà – Chủ tịch/Phó Chủ tịch Hội đồng điều khiển buổi làm việc.

1.3 Đại diện đơn vị tư vấn trình bày báo cáo tóm tắt kết quả đã triển khai nhiệm vụ và các kiến nghị đề xuất.

2. Ý kiến của các thành viên hội đồng

2.1. Các thành viên Hội đồng nêu câu hỏi, trao đổi, thảo luận về các nội dung liên quan cụ thể đến nhiệm vụ.

Kết quả đạt được sau khi thực hiện nhiệm vụ: *(các sản phẩm)*

2.2 Kết quả đánh giá, chấm điểm của Hội đồng

Hội đồng đã đánh giá kết quả thực hiện của tư vấn, kết quả đánh giá, chấm điểm của Hội đồng như sau:

- Số phiếu phát ra: phiếu.
- Số phiếu thu về: phiếu.
- Số phiếu hợp lệ: phiếu.

Kết quả tổng hợp:

- Số phiếu đánh giá Đạt phiếu
- Số phiếu đánh giá Đạt có sửa đổi phiếu
- Số phiếu đánh giá Không đạt phiếu

2.3 Kết luận và kiến nghị của Hội đồng

(Căn cứ ý kiến các thành viên Hội đồng tại phiên họp, Chủ tịch Hội đồng kết luận về: Mức độ hoàn thiện và thể hiện các sản phẩm trong các báo cáo; Mức độ hoàn thành số lượng, khối lượng sản phẩm và mức độ đảm bảo chất lượng sản phẩm so với hợp đồng; Tiến độ thực hiện ...

Hội đồng kiến nghị nghiệm thu/không nghiệm thu/nghiệm thu nhiệm vụ sau khi có chỉnh sửa hoàn thiện sản phẩm theo góp ý của Hội đồng. Biên bản họp Hội đồng được thông qua với sự thống nhất của các thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp.

Cuộc họp kết thúc vào lúc ngày tháng năm/.

Thư ký
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 8: Các biểu mẫu về triển khai, thanh lý, quyết toán các nhiệm vụ.
(Các biểu mẫu này có thể thay đổi theo quy định hiện hành)

Mẫu 08-TKNL: Thuyết minh đề cương (đối với nhiệm vụ giao, đặt hàng)

**THUYẾT MINH
NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA
VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ
GIAI ĐOẠN 2019-2030**

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ

1. Tên nhiệm vụ

.....
.....

2. Thời gian thực hiện:

Từ tháng đến tháng năm ...

3. Đơn vị quản lý: Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững

Đại diện Ông/Bà :
Chức vụ :
Địa chỉ : 54 Hai Bà Trưng – Hoàn Kiếm – Hà Nội
Điện thoại :
Email :

4. Đơn vị chủ trì thực hiện:

Tên đơn vị :.....
Địa chỉ :.....
Điện thoại :.....
Email :.....
Tài khoản :.....
Mã QHNS :.....
Đại diện Ông/bà :.....
Chức vụ :.....

5. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ: đồng

(Bằng chữ:.....)

Trong đó:

Ngân sách Trung ương :.....Triệu đồng
Ngân sách địa phương :.....Triệu đồng

Doanh nghiệp tham gia :.....Triệu đồng
 Nguồn khác :.....Triệu đồng

II. PHÂN THUYẾT MINH CHI TIẾT

1. Sự cần thiết, căn cứ xây dựng nhiệm vụ:

a) Căn cứ xây dựng nhiệm vụ

- Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2010;

- Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2019-2030;

- Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ, kinh phí thực hiện năm ... của Bộ Công Thương thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030;

- Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy chế quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Bộ Công Thương thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030;

b) Sự cần thiết

.....

2. Mục tiêu của nhiệm vụ:

2.1. Mục tiêu chung

.....

2.2. Mục tiêu cụ thể

.....

3. Nội dung của nhiệm vụ:

.....

4. Sản phẩm, kết quả của nhiệm vụ

.....

5. Phương án triển khai nhiệm vụ

5.1. Phương án tổng thể triển khai nhiệm vụ

.....

5.2. Phương án chi tiết triển khai nhiệm vụ

Bảng 1. Hạng mục công việc, mục tiêu, thời gian và kinh phí

TT T	Nội dung công việc	Mục tiêu, kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện (Bắt đầu – Kết thúc)	Dự kiến kinh phí	Tổ chức, cá nhân thực hiện
1.					
2.					
3.					

6. Các cá nhân tham gia thực hiện dự án

Bảng 2. Tên, trình độ chuyên môn, đơn vị công tác của cá nhân thực hiện

TT	Họ và tên	Học vị, học hàm chuyên môn	Cơ quan, đơn vị công tác	Ghi chú
1.				
2.				
3.				

7. Yêu cầu đối với sản phẩm, kết quả của nhiệm vụ

Bảng 3. Yêu cầu đối với kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ

TT	Kết quả, sản phẩm và các tiêu chí đánh giá chủ yếu	Đơn vị tính	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1				
2				
3				

8. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ

Bảng 4. Dự toán và phân chia kinh phí thực hiện nhiệm vụ
(Dự toán chi tiết tại các phụ lục kèm theo)

Đơn vị: nghìn đồng

TT	Nguồn kinh phí	Tổng số kinh phí	Trong đó:				
			Thuê khoán chuyên môn	Hội nghị, hội thảo	Nguyên vật liệu, năng lượng	Máy móc, thiết bị	Chi khác
	Tổng cộng						
	<i>Trong đó:</i>						
1	<i>Ngân sách Trung ương</i>						
2	<i>Ngân sách địa phương</i>						
	Doanh nghiệp tham gia						
4	<i>Nguồn khác</i>						

9. Đối tượng tham gia / hưởng lợi / sử dụng kết quả của dự án:

.....

10. Dự kiến hiệu quả kinh tế - xã hội:

.....

11. Dự báo rủi ro và giải pháp phòng ngừa :

.....

12. Kiến nghị:

.....

Ngày ... tháng ... năm ...

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
 (Ký tên, đóng dấu)

Phụ biểu 1. Chi tiết khoản chi phí thuê khoán chuyên môn*Đơn vị: nghìn đồng*

TT	Nội dung công việc	Họ và Tên thành viên thực hiện	Chức danh thực hiện	Hệ số tiền công theo ngày	Số ngày công quy đổi	Tổng kinh phí
1						
2						
3						

Phụ biểu 2. Chi tiết khoản chi hội nghị, hội thảo*Đơn vị: nghìn đồng*

TT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1						
2						
3						
Tổng cộng						

Phụ biểu 3. Chi tiết khoản nguyên vật liệu, năng lượng*Đơn vị: nghìn đồng*

TT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1						
2						
3						
Tổng cộng						

Phụ biểu 4. Chi tiết khoản máy móc, thiết bị*Đơn vị: nghìn đồng*

TT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1						
2						
3						
Tổng cộng						

Phụ biểu 5. Chi khác*Đơn vị: nghìn đồng*

TT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1						
2						
3						
Tổng cộng						

Mẫu 09-TK NL: Mẫu hợp đồng giao nhiệm vụ

BỘ CÔNG THƯƠNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

HỢP ĐỒNG
GIAO NHIỆM VỤ NĂM

**Thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
giai đoạn 2019-2030**

Số:/HD-CTQGTKNL

Căn cứ Luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BCT ngày ...tháng ... năm 20.... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy chế quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Bộ Công Thương thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ Quyết định số/QĐ- BCT ngày tháng năm 20.... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (đơn vị được giao).

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BCT ngày tháng năm 20.... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ và kinh phí thực hiện năm thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030, trên cơ sở nhu cầu và năng lực của các bên,

CHÚNG TÔI GỒM

1. Bên giao (Bên A): Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững

Đại diện Ông/Bà :
Chức vụ :
Địa chỉ : 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : 02422205384

2. Bên nhận (Bên B) là:

Đại diện Ông/Bà :

Chức vụ :

(Theo Giấy ủy quyền số

Địa chỉ :

Điện thoại :

Tài khoản :

Tại :

Mã QHNS :

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ :

“.....” (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Bên A giao nhiệm vụ cho Bên B thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030

Tên nhiệm vụ: “.....”, theo các nội dung trong Thuyết minh nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện nhiệm vụ: Năm 20....

Điều 3. Kinh phí thực hiện Nhiệm vụ

1. Kinh phí để thực hiện nhiệm vụ là: đồng (Bằng chữ:);
2. Ngân sách Nhà nước cấp là: đồng (Bằng chữ:);
3. Nguồn khác: đồng (Bằng chữ:).
4. Việc thanh toán được thực hiện theo khối lượng công việc đã thực hiện dự toán đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

1. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành.
2. Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị của Bên B khi có phát sinh.
3. Được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và thu hồi kinh phí đã cấp theo quy định trong các trường hợp sau:
 - Bên B không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng hoặc cố tình dây dưa không thực hiện Hợp đồng và không báo cáo khi được Bên A yêu cầu.
 - Bên B thực hiện không đúng nội dung được phê duyệt trong Thuyết minh đề cương; sử dụng kinh phí không đúng mục đích.

4. Bảo mật các sản phẩm của nhiệm vụ, dự án và cung cấp thông tin theo quy định hiện hành.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

1. Thực hiện đúng, đủ nội dung công việc được nêu trong Thuyết minh đề cương đã được phê duyệt.

2. Chấp hành các quy định pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng; gửi báo cáo giữa kỳ và báo cáo đột xuất (nếu có) về tình hình thực hiện nhiệm vụ cho Bên A theo yêu cầu.

3. Hoàn thành các thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán tài chính theo đúng tiến độ của Hợp đồng và nộp các sản phẩm, kết quả của nhiệm vụ cho Bên A theo quy định.

4. Đảm bảo các chứng từ thuộc nhiệm vụ ... hợp lệ và đúng quy định hiện hành.

5. Báo cáo kịp thời với Bên A các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và đề xuất các kiến nghị điều chỉnh cần thiết để Bên A xem xét, giải quyết.

Điều 6. Điều khoản chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết.

4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 04 bản có giá trị như nhau. Bên A giữ 2 bản./.

BÊN A

BÊN B

TL. BỘ TRƯỞNG

**VỤ TRƯỞNG VỤ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Mẫu 10-TKNL: Mẫu hợp đồng đặt hàng**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***..., ngày ... tháng ... năm ...***HỢP ĐỒNG ĐẶT HÀNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
Thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm
và hiệu quả giai đoạn 2019-2030****Số:/HĐ-CTQGTKNL**

- Căn cứ Luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ Nghị định 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BCT ngày ...tháng ... năm 20.... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy chế quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Bộ Công Thương thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2020;

Quyết định số .../QĐ-BCT ngày ... tháng ... năm ... về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ và kinh phí thực hiện năm ... thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030;

Trên cơ sở nhu cầu và năng lực của các bên,

CHÚNG TÔI GỒM**2. Bên đặt (Bên A): VỤ TIẾT KIỂM NĂNG LƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG****a) Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững – Chủ trì nhiệm vụ**

Đại diện :

Chức vụ :

Địa chỉ : 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

b) Văn phòng Bộ Công Thương – Chủ tài khoản

Đại diện :

Chức vụ :

Địa chỉ : 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Tài khoản : 9527.1.1053956 tại Kho bạc Nhà nước Hà Nội
 Điện thoại : 024.222021210

2. Bên nhận (Bên B):

Đại diện :
 Chức vụ :
 Địa chỉ :
 Điện thoại :
 Tài khoản :
 Tại:...

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ: ... (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm ... với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung nhiệm vụ

Bên A giao Bên B thực hiện nhiệm vụ: ... thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030 theo các nội dung trong Thuyết minh nhiệm vụ và dự toán kèm theo hợp đồng này.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ tháng ... đến tháng ... năm ...

Điều 3. Kinh phí thực hiện Nhiệm vụ

4. Kinh phí để thực hiện nhiệm vụ là: ... đồng

(Bằng chữ: ...)

- Ngân sách Nhà nước cấp là: ... đồng

(Bằng chữ: ...)

- Nguồn khác: Không

2. Tạm ứng: Sau khi Hợp đồng được ký kết, Bên A tạm ứng cho Bên B 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ từ ngân sách nhà nước;

3. Thanh toán: Những lần tạm ứng/thanh toán tiếp theo được thực hiện theo khối lượng công việc đã thực hiện hoặc theo đề nghị của Bên B và đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành.

4. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

Nội dung nhiệm vụ và Dự toán chi tiết kèm theo phụ lục của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

a) Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững:

+ Theo dõi tiến độ và kết quả của Bên B thực hiện, kịp thời phối hợp với Bên B tháo gỡ các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện;

+ Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện Hợp đồng;

+ Phân công nhân sự trực tiếp phối hợp với bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng;

+ Tổ chức đánh giá và nghiệm thu kết quả do Bên B bàn giao theo các yêu cầu trong Thuyết minh nhiệm vụ và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng; nghiệm thu thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

+ Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Tiếp nhận và quản lý kết quả nhiệm vụ theo các quy định hiện hành.

b) Văn phòng Bộ Công Thương: Chuyển số kinh phí theo điều 3 của Hợp đồng cho Bên B.

c) Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững và Văn phòng Bộ: Bồi thường thiệt hại cho bên B nếu thiệt hại đó xuất phát từ Bên A hoặc liên quan đến Hợp đồng này phát sinh do lỗi của Bên A.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

a. Bên B cam kết tổ chức triển khai đầy đủ và đảm bảo chất lượng, tiến độ và các chỉ tiêu theo Thuyết minh nhiệm vụ và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng;

b. Chấp hành các quy định pháp luật và những yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

c. Yêu cầu bên A cấp đủ kinh phí triển khai thực hiện Hợp đồng theo quy định. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả;

d. Báo cáo đột xuất khi bên A yêu cầu về tình hình thực hiện nhiệm vụ;

đ. Hoàn thành các thủ tục nghiệm thu; thanh quyết toán tài chính theo đúng tiến độ của Hợp đồng và nộp sản phẩm, kết quả của nhiệm vụ cho Bên A theo quy định. Nộp Báo cáo tổng kết nhiệm vụ về Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững;

e. Báo cáo kịp thời với bên A những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và đề xuất các kiến nghị (nếu có);

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Nhiệm vụ đã kết thúc và được nghiệm thu theo đúng quy định.
2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
3. Bên B bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ theo quy định pháp luật.
5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc nhiệm vụ không thể tiếp tục thực hiện do:
 - a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ mà không có lý do chính đáng;
 - b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý về tài chính được thực hiện như sau:

1. Đối với nhiệm vụ được nghiệm thu: Căn cứ vào khối lượng đã hoàn thành, hai bên tiến hành lập bảng xác định khối lượng công việc hoàn thành theo Hợp đồng. Căn cứ bảng xác định khối lượng công việc hoàn thành, hai bên lập bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng, đồng thời bên A thanh toán cho bên B đủ số kinh phí tương ứng với khối lượng công việc đã được nghiệm thu.
2. Đối với nhiệm vụ bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng. Đối với phần kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho nhiệm vụ, Bên A xem xét quyết toán kinh phí cho Bên B trên cơ sở kết luận về trách nhiệm và xác định những nội dung công việc Bên B đã thực hiện của Hội đồng đánh giá nghiệm thu hoặc theo đánh giá của tổ chức tư vấn/chuyên gia độc lập do Bên A yêu cầu theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.
3. Đối với nhiệm vụ không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện nhiệm vụ, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều khoản chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi tại Hợp đồng và

có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết.

4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 06 bản có giá trị như nhau. Bên A giữ 4 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG VÀ
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐẠI DIỆN BÊN B

CHÁNH VĂN PHÒNG BỘ

Mẫu 11-TKNL: Mẫu hợp đồng dịch vụ tư vấn các nhiệm vụ đấu thầu**BỘ CÔNG THƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...***HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN**

Hợp đồng số: ...

Gói thầu: (Tên gói thầu)**thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
giai đoạn 2019 – 2030**

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BCT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy chế quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Bộ Công Thương thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BCT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ và kinh phí thực hiện năm ... thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BCT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu triển khai nhiệm vụ năm ... thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030 của Bộ Công Thương;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng giữa Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững và ... (Tên đơn vị) ký ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ... thuộc Chương trình hành quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030.

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

I. Chủ đầu tư (Bên A): Bộ Công Thương

1. Đại diện Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững

- Ông/Bà:
- Chức vụ:
- Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Điện thoại: 02422205384.

2. Văn phòng Bộ Công Thương - Chủ tài khoản:

- Ông/Bà:
- Chức vụ:
- Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 024. 22202210 Fax: 024.22202210
- Tài khoản: 9527.1.1053956
- Tại: Kho bạc Nhà nước Thành phố Hà Nội.
- Mã QHNS: 1053956

II. Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B):

- Đại diện ông:
- Chức vụ:
- Địa chỉ:
- Tài khoản số: ... - Ngân hàng: ...
- Điện thoại:
- Mã số thuế:

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

1. Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý nhận thực hiện gói thầu: ... thuộc Chương trình hành quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030. Hạng mục công việc chi tiết được nêu trong Phụ lục chi tiết đính kèm với Hợp đồng này.

2. Sản phẩm của hợp đồng: theo Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây:

- Văn bản hợp đồng;

- Phụ lục hợp đồng gồm: Điều khoản tham chiếu, nhân sự tham gia thực hiện và trách nhiệm báo cáo;
- Biên bản thương thảo và hoàn thiện hợp đồng;
- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng, bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể;
- E-HSDT;
- E-HSMT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên B

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;
2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục 2 “Nhân sự tham gia thực hiện” để thực hiện dịch vụ;
3. Nộp báo cáo cho chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục 1 “Điều khoản tham chiếu”;
4. Nộp sản phẩm của gói thầu cho Bên A tại Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, địa chỉ số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội;
5. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong **ĐKC** và **ĐKCT** của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên A

- Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững:
 - + Theo dõi tiến độ và kết quả của Bên B thực hiện, kịp thời phối hợp với Bên B tháo gỡ các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng;
 - + Phân công nhân sự trực tiếp phối hợp với bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng;
 - + Tổ chức góp ý và nghiệm thu các kết quả do Bên B bàn giao.
 - + Lưu sản phẩm của hợp đồng.
- Văn phòng Bộ Công Thương:
 - + Cam kết thanh toán cho Bên B theo giá trị hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.
 - + Phối hợp với Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững trong việc ký nghiệm thu thanh lý hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng, Phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ... VNĐ (Bằng chữ: ...). Giá này đã bao gồm VAT.
2. Phương thức thanh toán:
 - Tạm ứng: Bên A tạm ứng cho Bên B 50% giá trị hợp đồng trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
 - Thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B số tiền còn lại của hợp đồng trong vòng 14 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B, hồ sơ gồm:
 - + Giấy đề nghị thanh toán;
 - + Bản xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành;
 - + Biên bản nghiệm thu hợp đồng;
 - + Biên bản thanh lý hợp đồng;
 - + Hóa đơn GTGT.
 - Phương thức thanh toán: Phương thức thanh toán nêu tại Điều 10 E-ĐKCT.

Điều 6. Loại hợp đồng

Hợp đồng này được thực hiện theo loại hợp đồng trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng là ... ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực (không bao gồm thời gian phê duyệt của cấp có thẩm quyền, các trường hợp bất khả kháng).

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký tên đóng dấu.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành nghiệm thu thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 06 bộ, Bên A giữ 04 bộ, Bên B giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

**VỤ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

**VĂN PHÒNG
BỘ CÔNG THƯƠNG**

TÊN ĐƠN VỊ

PHỤ LỤC 1

ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

(Kèm theo Hợp đồng số ..., ngày ... tháng ... năm ...)

PHỤ LỤC 2

NHÂN SỰ THAM GIA THỰC HIỆN

(Kèm theo Hợp đồng số ..., ngày ... tháng ... năm ...)

PHỤ LỤC 3

TRÁCH NHIỆM BÁO CÁO VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

(Kèm theo Hợp đồng số ..., ngày ... tháng ... năm ...)

Mẫu 12-TKNL: Giấy đề nghị tạm ứng**(TÊN ĐƠN VỊ) _____ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

*(Địa điểm), ngày tháng năm***GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG**

Kính gửi:

- Văn phòng Bộ Công Thương
- Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững

Căn cứ Hợp đồng số ... giữa Bộ Công Thương và ... (Tên đơn vị) về việc thực hiện gói thầu ... (Tên gói thầu) thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030, kính đề nghị Quý Bộ tạm ứng 50% giá trị thực hiện Hợp đồng tương đương với số tiền là: ... đồng (Bằng chữ:/.) theo Điều ... của Hợp đồng.

Thông tin chuyên khoản như sau:

- Tên tài khoản:
- Số tài khoản: ... tại ngân hàng ...

*(Địa điểm), ngày tháng năm***Thủ trưởng đơn vị****(Họ tên, ký, đóng dấu)**

Mẫu 13-TK NL: Giấy đề nghị thanh toán kinh phí**(TÊN ĐƠN VỊ) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

*Địa điểm, ngày tháng năm***GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN KINH PHÍ**

Kính gửi:

- Văn phòng Bộ Công Thương
- Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững

Căn cứ Hợp đồng số ... giữa Bộ Công Thương, và ... (Tên đơn vị) ký ngày ... tháng ... năm ... về thực hiện gói thầu ... (Tên gói thầu) thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030, kính đề nghị Quý Bộ thanh toán kinh phí thực hiện Hợp đồng cụ thể như sau:

- Tổng giá trị nghiệm thu thanh lý hợp đồng: ... đồng (Bằng chữ: ...)
- Đã tạm ứng: ... đồng ((Bằng chữ: ...).
- Số tiền đề nghị thanh toán kỳ này cho Bên B là ... đồng (Bằng chữ: ...).

Thông tin chuyển khoản như sau:

- Tên tài khoản:
- Số tài khoản: ... tại ngân hàng ...

*(Địa điểm), ngày tháng năm***Thủ trưởng đơn vị**

(Họ tên, ký, đóng dấu)

Mẫu 14-TKNL: Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành**BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH**

(áp dụng đối với các khoản chi khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh phí sự nghiệp)

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Văn phòng Bộ Công Thương
2. Mã đơn vị: 1053956 Mã nguồn: 12
3. Mã CTMTQG, Dự án ODA:
4. Căn cứ Hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ... giữa Bộ Công Thương và ... (Tên đơn vị) về việc thực hiện gói thầu ... (Tên gói thầu) thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030. Giá trị hợp đồng đã ký là ... **đồng** (Bằng chữ: ...).
5. Căn cứ Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày ... tháng ... năm ... giữa Bộ Công Thương và ... (Tên đơn vị).

Đơn vị: *Đồng*

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền
1	Thanh toán gói thầu tư vấn ... (Tên gói thầu) của Hợp đồng số ... thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019- 2030 của Bộ Công Thương.				
	Tổng cộng				

(Bằng chữ: ...)

6. Lũy kế thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:
 -Thanh toán tạm ứng: ... đồng
 -Thanh toán trực tiếp: ... đồng
7. Số dư tạm ứng đến cuối kỳ trước: ... đồng.

8. Số đề nghị thanh toán kỳ này: ... đồng.

-Thanh toán tạm ứng: ... đồng.

-Thanh toán trực tiếp: ... đồng.

Ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

**ĐẠI DIỆN NHÀ CUNG CẤP
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**
(Tên đơn vị)
Giám đốc/Thủ trưởng

**VỤ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

VĂN PHÒNG BỘ
Kế toán trưởng Lãnh đạo Văn phòng

(Họ tên, ký, đóng dấu)

(Họ tên, ký, đóng dấu)

(Họ tên, ký, đóng dấu) (Họ tên, ký, đóng dấu)

Mẫu 15-TKNL: Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng các nhiệm vụ giao

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật dân sự và luật thương mại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BCT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy chế quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Bộ Công Thương thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BCT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao nhiệm vụ cho ... thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm ...;

Căn cứ các điều khoản của Hợp đồng số .../HĐ-CTQGTKNL ký ngày ... tháng ... năm ... giữa Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững và Báo Công Thương;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BCT ngày ... tháng ... năm ... về việc thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ các nhiệm vụ năm ... thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019- 2030 của Bộ Công Thương;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu ngày ... tháng ... năm ...;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại Bộ Công Thương.

CHÚNG TÔI GỒM

1. BÊN GIAO (BÊN A): Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững

Đại diện :

Chức vụ :

Điện thoại : 024. 22205384

Địa chỉ : 54 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội

2. BÊN NHẬN (BÊN B): Báo Công Thương

Đại diện :

Chức vụ :

Địa chỉ :

Mã số thuế :

Điện thoại :

Tài khoản :

Tại :

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất đi đến thực hiện thanh lý Hợp đồng với các nội dung thanh lý như sau :

I. CÔNG VIỆC ĐÃ HOÀN THÀNH

Hai bên đã thực hiện nghiêm túc các điều khoản cam kết tại Hợp đồng số .../HĐ-CTQGTKNL ký ngày ... tháng ... năm ... giữa Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững và ... về việc thực hiện nhiệm vụ : ...

Bên B đã hoàn thành nội dung Hợp đồng theo đúng chất lượng, tiến độ thỏa thuận. Cụ thể như sau :

Sản phẩm hoàn thành:

- Thuyết minh chi tiết nhiệm vụ;
- Báo cáo tổng kết nhiệm vụ cùng sản phẩm

II. THANH TOÁN

- Giá trị Hợp đồng: ... đồng (Bằng chữ: ...).
- Bên A đã tạm ứng cho bên B: ... đồng
- Số tiền Bên A còn phải thanh toán cho bên B: **0 đồng**
(Bằng chữ : ...).

Bên A thanh toán cho Bên B sau khi hai bên thực hiện nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng và bàn giao các hóa đơn, chứng từ hợp lệ cho bên A.

III. PHÁT SINH

Không

IV. KẾT LUẬN

Hai bên thống nhất thanh lý Hợp đồng số .../HĐ-TKNL ký ngày ... tháng ... năm ...

Bên B đã bàn giao đầy đủ sản phẩm của Hợp đồng cho Bên A.

Bên A thanh toán toàn bộ số tiền còn lại cho Bên B sau khi hai bên cùng ký Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và Bên B chuyển cho Bên A báo cáo

thực hiện hợp đồng, hóa đơn và đề nghị thanh toán.

Biên bản thanh lý Hợp đồng được lập thành 06 bản, Bên A giữ 04 (bốn) bản, Bên B giữ 02 bản làm căn cứ thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

TL. BỘ TRƯỞNG

**VỤ TRƯỞNG VỤ TIẾT KIỆM NĂNG
LƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Mẫu 16-TKNL: Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng các nhiệm vụ đặt hàng

BỘ CÔNG THƯƠNG

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG
NHIỆM VỤ NĂM 2023 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA VỀ SỬ DỤNG NĂNG
LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ GIAI ĐOẠN 2019-2030**

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BCT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy chế quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Bộ Công Thương thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BCT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm ...;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BCT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ và kinh phí thực hiện năm ... thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 của Bộ Công Thương;

Căn cứ các điều khoản của Hợp đồng số .../HĐ/CTQGTKNL ngày ... tháng ... năm ... giữa Bộ Công Thương và ... về việc thực hiện nhiệm vụ ... thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 của Bộ Công Thương năm ...;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BCT ngày ... tháng ... năm ... về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ năm ... thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu ngày ... tháng ... năm ... giữa Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ năm ... thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 và ...;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại Bộ Công Thương, chúng tôi gồm:

1. Bên đặt hàng (sau đây gọi là Bên A): Bộ Công Thương

a) Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững – Đơn vị chủ trì:

Đại diện :

Chức vụ :

Địa chỉ : 54 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại : 024.22202368 Fax: 024.22202525

b) Văn phòng Bộ Công Thương – Chủ tài khoản:

Đại diện :

Chức vụ :

Địa chỉ : 54 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại : 024.22202210 Fax: 024.22202210

Số tài khoản : 9527.1.1053956 tại Kho bạc Nhà nước Hà Nội

Mã số thuế : 0102384524

2) Đơn vị thực hiện (sau đây gọi là bên B):

Đại diện :

Chức vụ :

Địa chỉ :

Điện thoại :

Số tài khoản :

Mã số thuế :

Hai bên đã trao đổi, đánh giá về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung đã ký kết và thống nhất:

1. Bên B đã thực hiện những nội dung nêu trong Hợp đồng đặt hàng thực hiện nhiệm vụ ... thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 năm ... theo hợp đồng số .../HĐ/CTQGTKNL ngày ... tháng ... năm ... giữa Bộ Công Thương và

2. Hai bên thống nhất thanh lý Hợp đồng .../HĐ/CTQGTKNL ngày ... tháng ... năm ... giữa Bộ Công Thương và ... về việc ... thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 của Bộ Công Thương năm

- Tổng giá trị hợp đồng: ...VNĐ (*Bằng chữ: ...*). Trong đó:

- Bên B đã tạm ứng 50% giá trị hợp đồng, tương ứng với số tiền là: ... đồng (*Bằng chữ: ...*).

- Số tiền Bên A còn phải thanh toán cho Bên B là 50% giá trị Hợp đồng, tương đương ... đồng (*Bằng chữ: ...*).

3. Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản, bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP BÊN A
TL. BỘ TRƯỞNG

**VỤ TRƯỞNG VỤ TIẾT KIỆM NĂNG
LƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP BÊN B

CHÁNH VĂN PHÒNG BỘ

**Mẫu 17-TKNL: Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng các nhiệm vụ
đấu thầu**

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Căn cứ các điều khoản của Hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ... về việc thực hiện gói thầu: ... (Tên gói thầu) thuộc Chương trình hành quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu ngày ... tháng ... năm ... của Hội đồng nghiệm thu;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại Bộ Công Thương, chúng tôi gồm:

I. Bên giao (Bên A) là: Bộ Công Thương

a./ Đại diện Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững

- Ông/Bà:

- Chức vụ:

- Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội;

- Tel: 024.22202368 Fax: 024.22202525

b./ Văn Phòng Bộ Công Thương - Chủ Tài khoản

- Ông/Bà:

- Chức vụ:

- Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội

- Tài khoản: 9527.1.1053956 Tại Kho bạc nhà nước Hà Nội

- Tel: 024.222021210 Fax: 024.22202210

II. Nhà thầu (Bên B): (Tên đơn vị)

- Đại diện :

- Chức vụ:

- Địa chỉ:

- Tài khoản số: ... tại Ngân hàng ...

- Điện thoại:

- Mã số thuế:

Hai bên đã trao đổi, đánh giá về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung đã ký kết và thống nhất:

1. Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững xác nhận Bên B đã hoàn thành thực hiện Hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ... về việc thực hiện Gói thầu ... (Tên gói thầu) thuộc Chương trình hành quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030, đảm bảo chất lượng và khối lượng.

2. Hai bên thống nhất thanh lý Hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ...;

- Tổng giá trị hợp đồng: ... đồng (*Bằng chữ: ...*). Trong đó:

o Bên B đã tạm ứng số tiền là: ... đồng (*Bằng chữ: ...*).

o Số tiền Bên A còn phải thanh toán cho Bên B là ... đồng (*Bằng chữ: ...*).

3. Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản, bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

BÊN A
VỤ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
(LÃNH ĐẠO VỤ)

BÊN B
(TÊN ĐƠN VỊ)
Giám đốc/Thủ trưởng

VĂN PHÒNG BỘ CÔNG THƯƠNG
(LÃNH ĐẠO VPB)

